

Bản án số: 160/2017/HSST
Ngày 28 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thịnh
2. Bà Vũ Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 163/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nghiêm Văn L, sinh năm 1995 tại Thanh Hóa; trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn X và bà Vũ Thị D; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị A và 01 con sinh năm 2015.

Bị tạm giữ ngày 19/5/2017, bị tạm giam ngày 25/5/2017, ngày 09/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam cho gia đình bảo lãnh (có mặt).

2. Nguyễn Thị A, sinh năm 1998 tại Thanh Hóa; trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đồng Thị T; bị cáo có chồng là Nghiêm Văn L và 01 con sinh năm 2015.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1992; trú tại: Ấp X, xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2017, hai vợ chồng Nghiêm Văn L và Nguyễn Thị A thuê mặt bằng mở quán cà phê 379 tại ấp Phước Lập, xã Mỹ Xuân, huyện Tân thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi quán khai trương đi vào hoạt động, L được người quen giới thiệu cho Nguyễn Thị Thu T đến làm tiếp viên tại quán. Đến tối ngày 14/5/2017, Nguyễn Thanh N được một người đàn ông tên Long (không rõ nhân thân, lai lịch) chở đến quán của L xin làm phục vụ. L trả cho Long 6.000.000 đồng tiền công môi giới. Theo thỏa thuận thì công việc của T và N là bung bê nước uống và ngồi nói chuyện với khách, khi khách có nhu cầu thì kích giục cho khách, giá một suất nước uống kèm theo kích dục là 100.000 đồng, số tiền này L và A hưởng, nếu khách thưởng thêm thì Thảo và Ngân hưởng, mỗi tháng L và A sẽ trả tiền công cho T và N là 4.000.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 14/5/2017, sau khi chỉ cho N vào phòng ngủ cùng T, L và A cảm thấy không yên tâm vì N là người mới và có vẻ không thích làm việc tại quán. L và A sợ N sẽ rủ T bỏ trốn và sợ mất đồ của quán nên đã khóa cửa phòng ngủ của T và N.

Từ ngày 15/5/2017 đến ngày 19/5/2017, trong thời gian quán mở cửa thì L và A thay nhau giám sát không cho N và T ra khỏi quán, khi đi ngủ thì L và A khóa cửa ngoài, N và T có việc gì thì gõ cửa.

Đến khoảng 10 giờ 30 ngày 19/5/2017, Công an xã Mỹ Xuân đến kiểm tra quán 379 của L và A đã phát hiện bắt quả tang L và A đang có hành vi giữ N và T trái pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo L và A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 161/KSĐT-TA ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã truy tố bị cáo L và bị cáo A về tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo L và bị cáo A về tội “Giữ người trái pháp luật”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L và bị cáo A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về bồi thường thiệt hại: Do bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Các bị cáo L và A không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, được ở ngoài xã hội để đi làm lo cho con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm

sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo L và A là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 15/5/2017 đến ngày 19/5/2017, vì lý do cá nhân, các bị cáo L và A đã có hành vi ngăn cản, tước đoạt sự tự do hoạt động và tự do cá nhân của chị T và chị N trái với quy định của pháp luật; buộc chị T và chị N chỉ được phép đi lại, sinh hoạt trong khuôn viên quán cà phê 379, khi chị T và chị N đi ngủ thì bị khóa cửa ngoài. Do đó, hành vi của các bị cáo L và A thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm đ khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo L và A là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể và tự do cá nhân của chị T và chị N, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Do đó đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo L và A cùng nhau thực hiện một tội phạm nên các bị cáo là đồng phạm với nhau. Trong đó bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê, sau đó cùng bị cáo A thay phiên nhau khóa cửa ngoài phòng ngủ và giám sát không cho chị T, chị N đi ra khỏi quán cà phê 379 nên phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo A sau khi được bị cáo L rủ rê đã đồng ý ngay cùng bị cáo L thực hiện tội phạm nên chịu trách nhiệm sau bị cáo L.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, các bị cáo L và A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo L là lao động chính trong gia đình, bị cáo A đang nuôi con nhỏ, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo A và bị cáo L có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo A và bị cáo L được hưởng án treo có thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại T và bị hại N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo L và A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nghiêm Văn L và Nguyễn Thị A phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nghiêm Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án 28/12/2017.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án 28/12/2017.

Giao bị cáo Nghiêm Văn L và bị cáo Nguyễn Thị A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nghiêm Văn L và bị cáo Nguyễn Thị A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nghiêm Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn).

Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn).

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ly

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Ly

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

